

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP VICEM Thạch cao Xi măng

Ngày 30/06/2025	4,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.0%	-2.1%	-2.1%

DT thuần Q2/25
77.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.8 89.5%
YoY: ▲ 4.40 6.0%

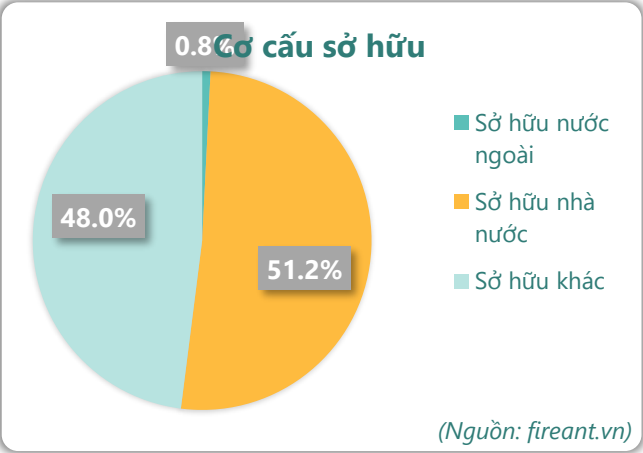
LN thuần Q2/25
0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01 9.5%
YoY: ▲ 1.18 107%

LN sau thuế Q2/25
0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.05 65.3%
YoY: ▲ 1.25 112%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
0.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

ROE (TTM) Q2/25
1.0%
YoY: +/-▲ 1.1%

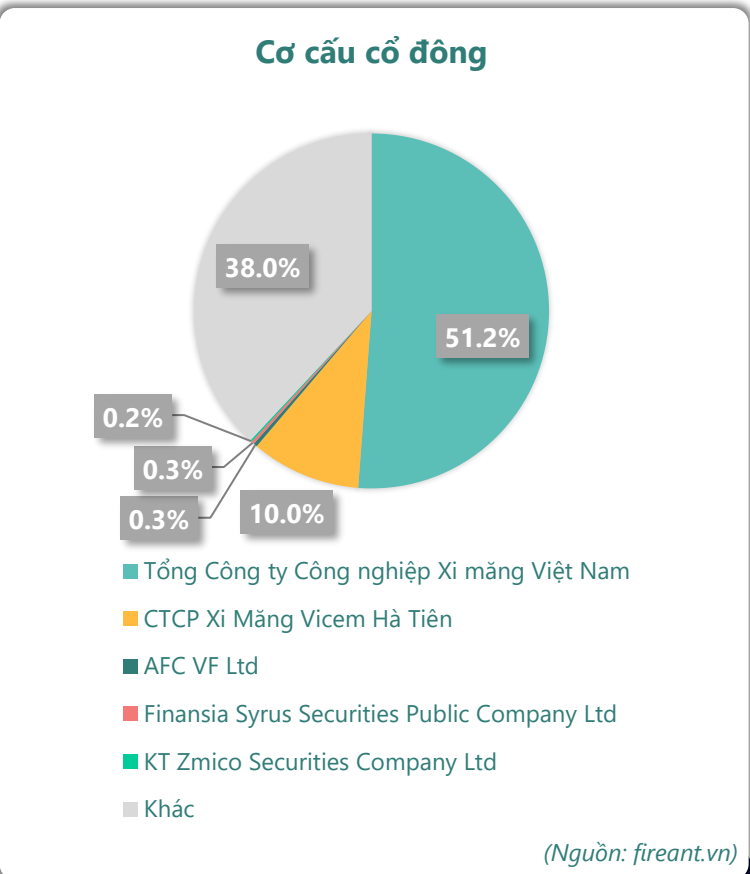
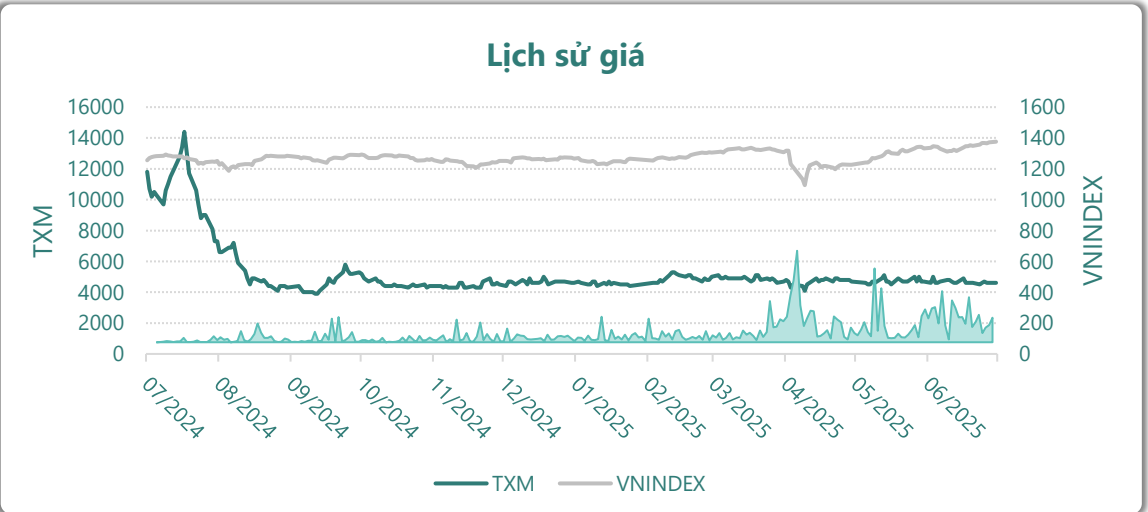
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 14,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
Số lượng CPLH (CP)	7,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,885
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.81
EPS	149
P/E	30.9



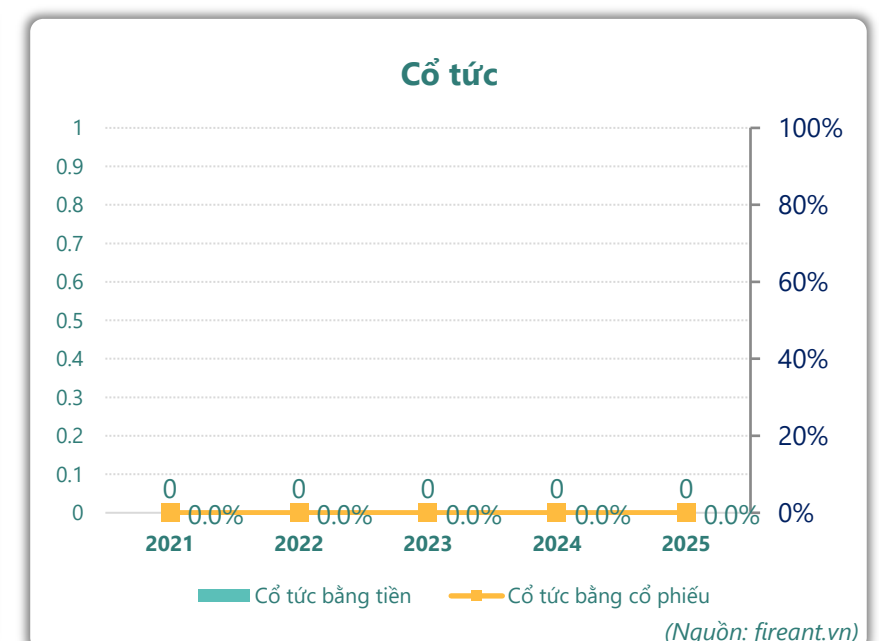
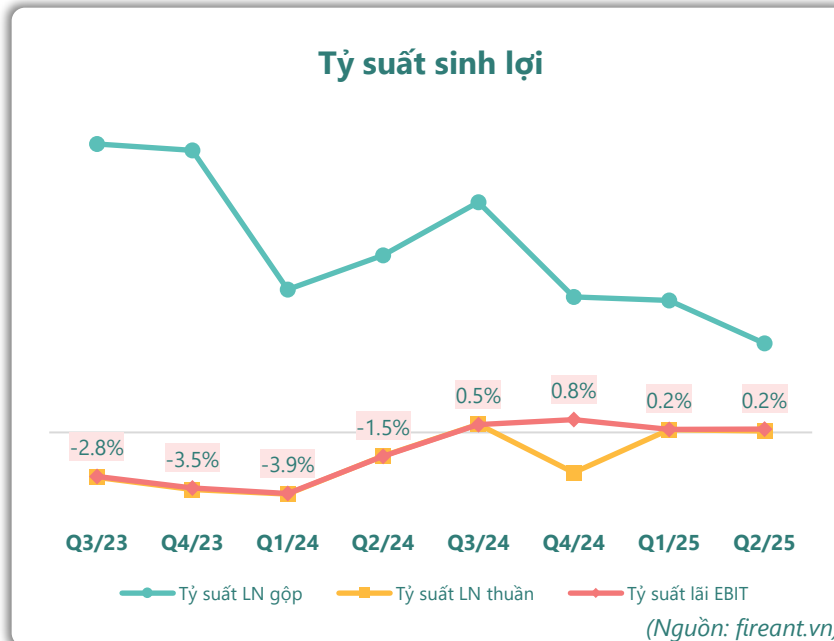
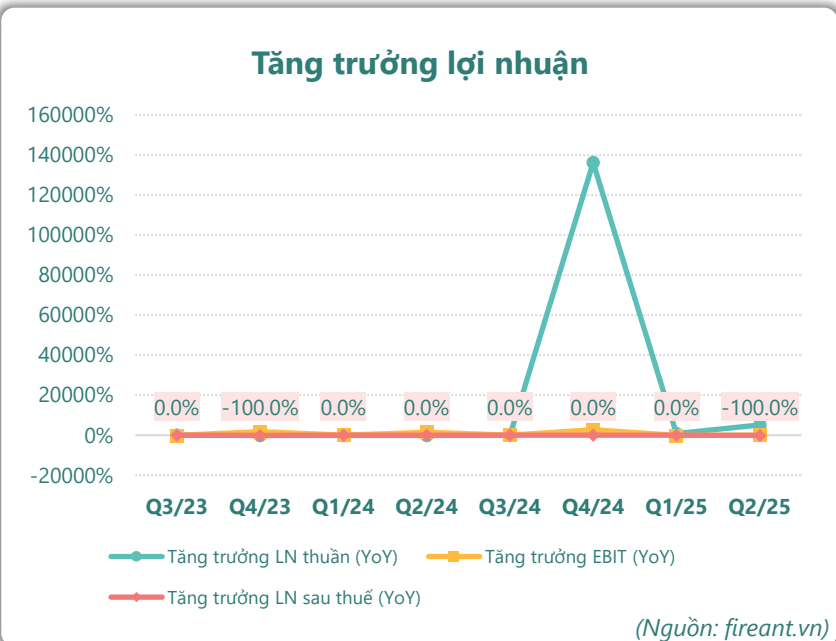
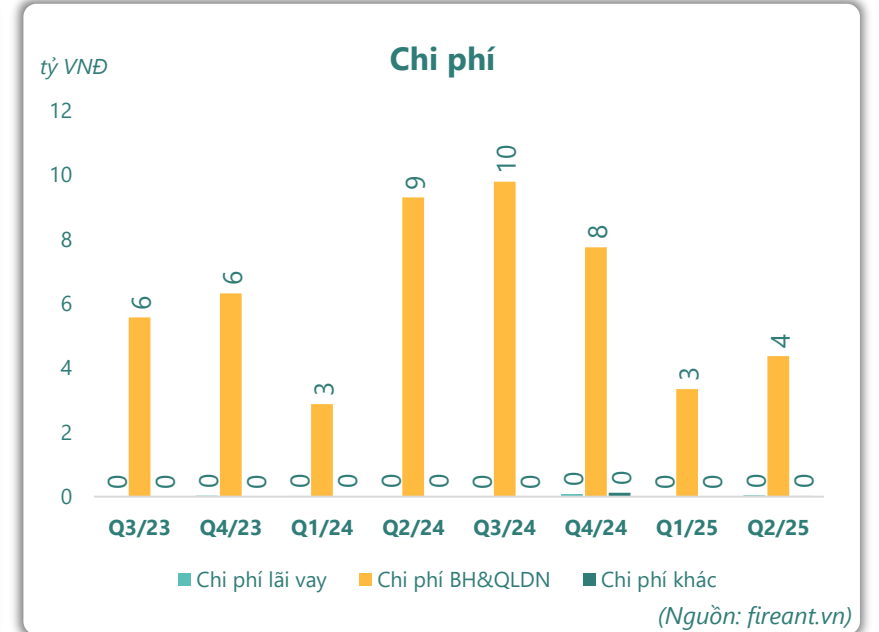
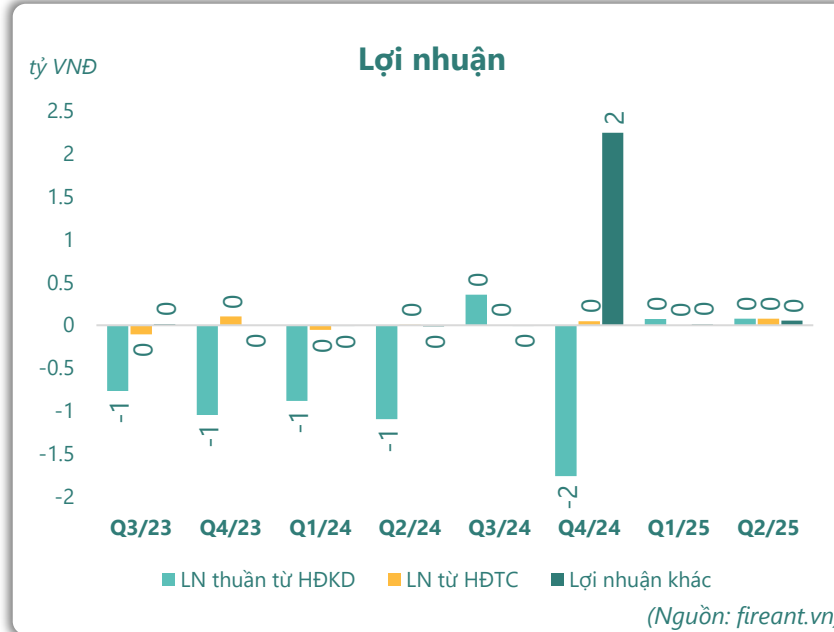
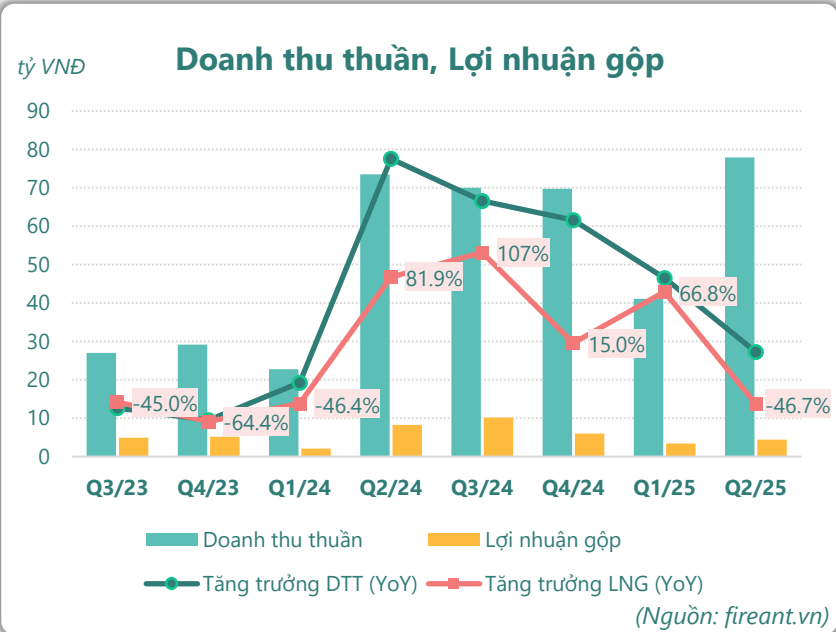
DT thuần 6T 2025
119
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.8 23.7%

LN thuần 6T 2025
0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.13 108%

LN sau thuế 6T 2025
0.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.22 111%



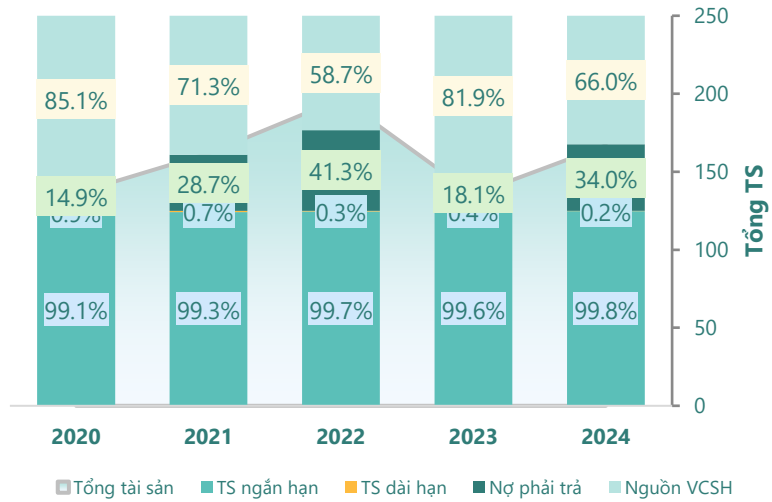
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

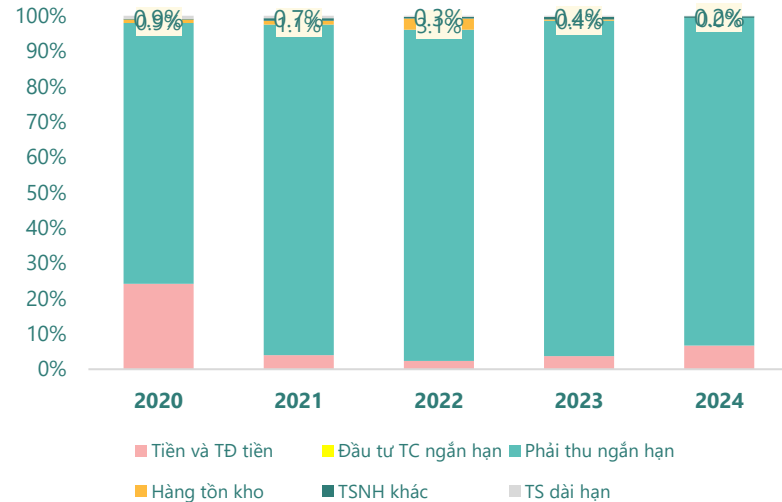
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

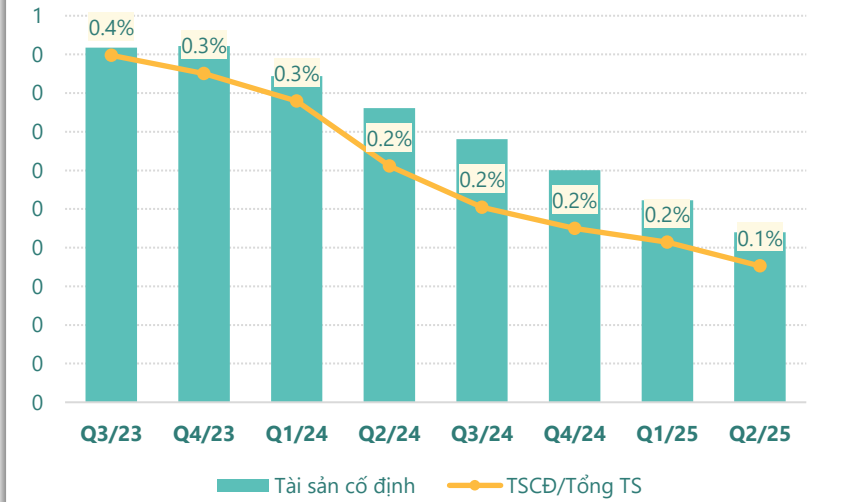
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

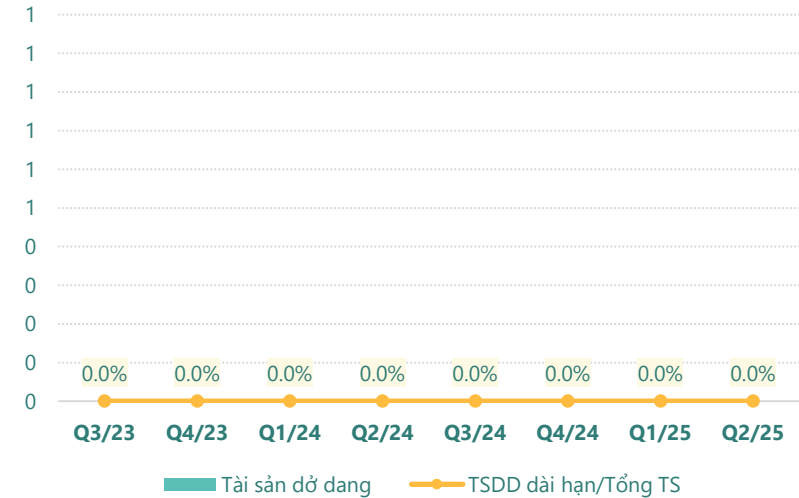
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

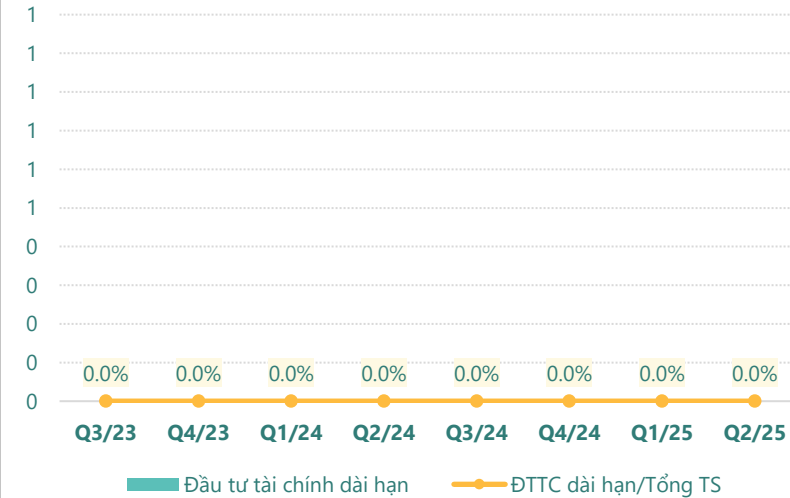
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

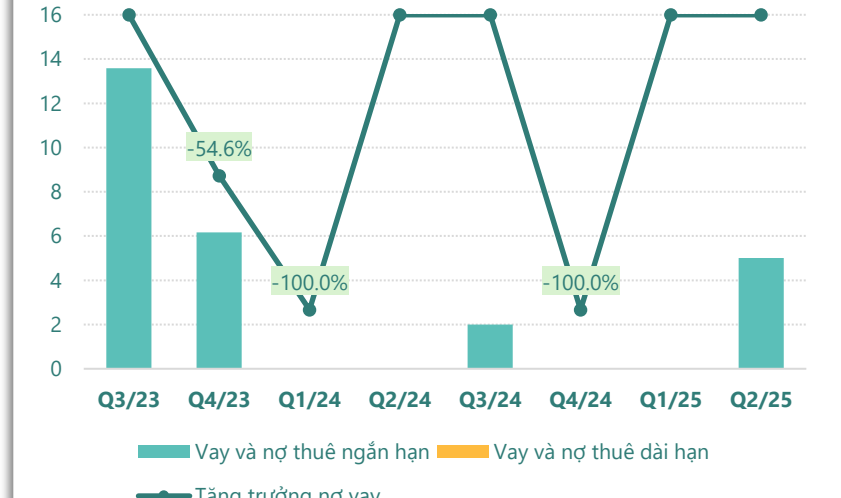
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

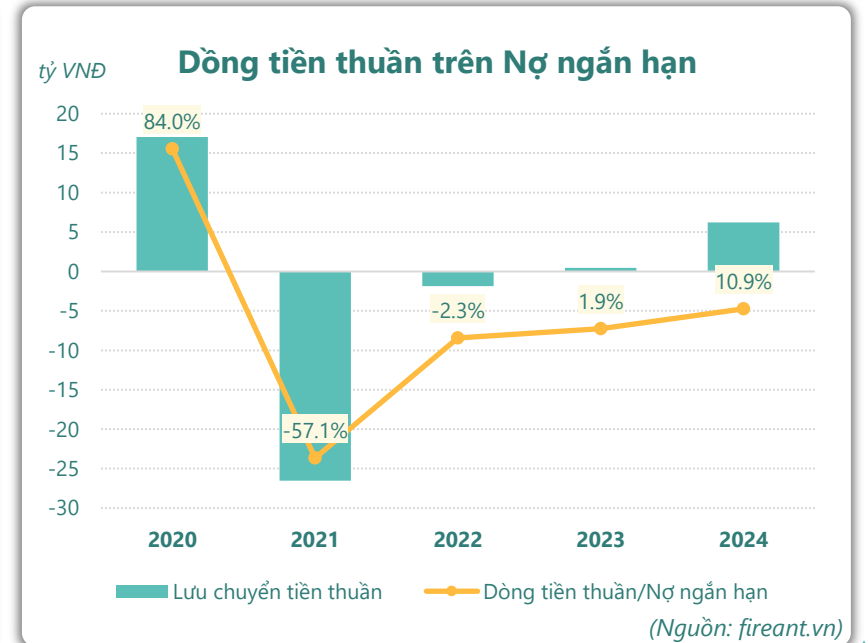
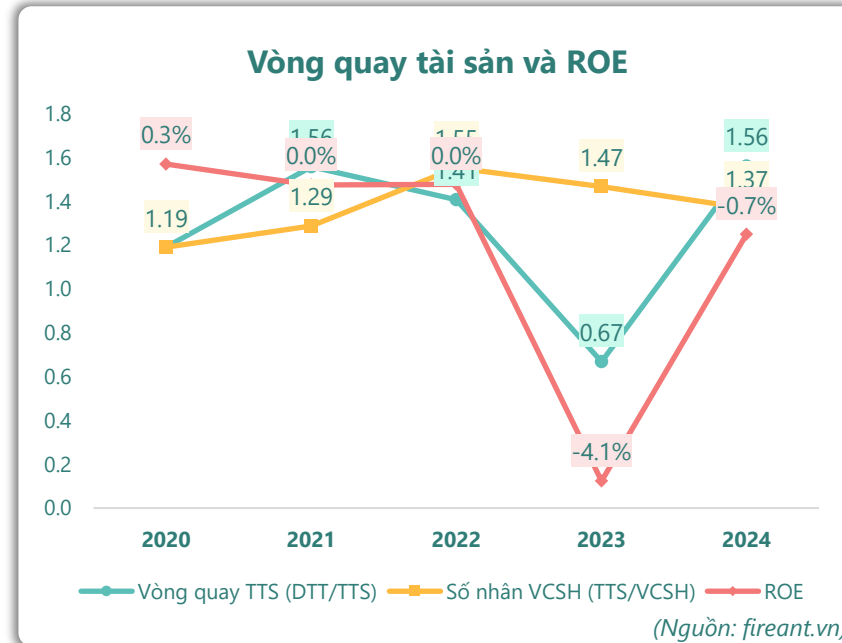
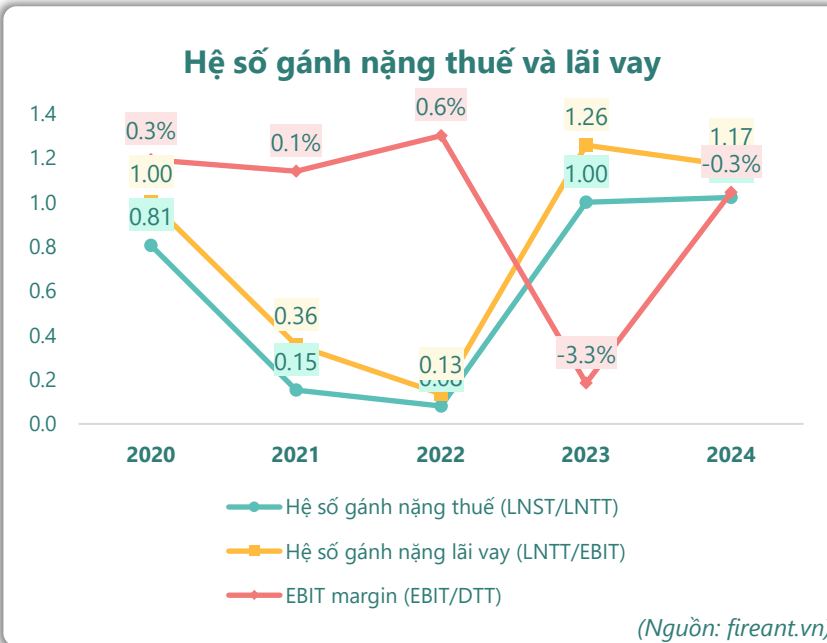
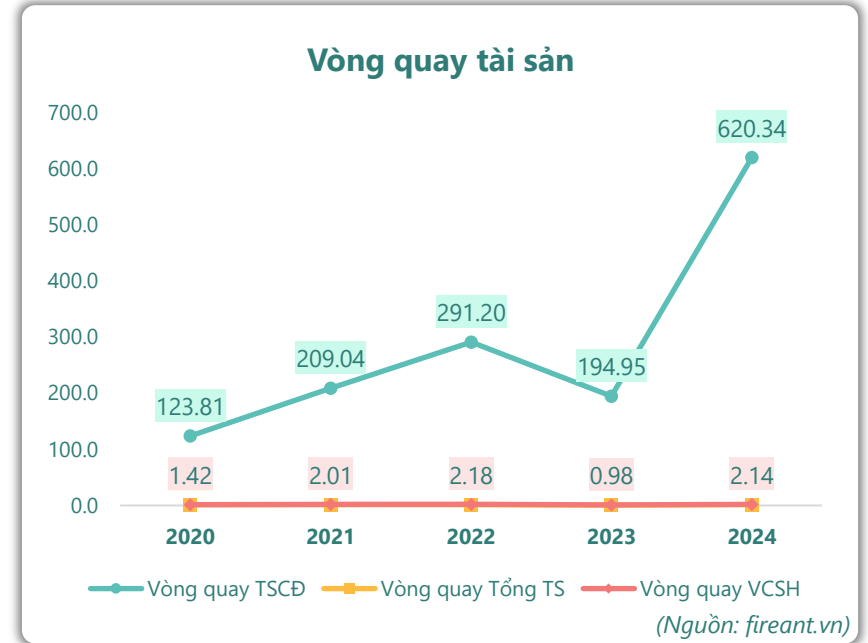
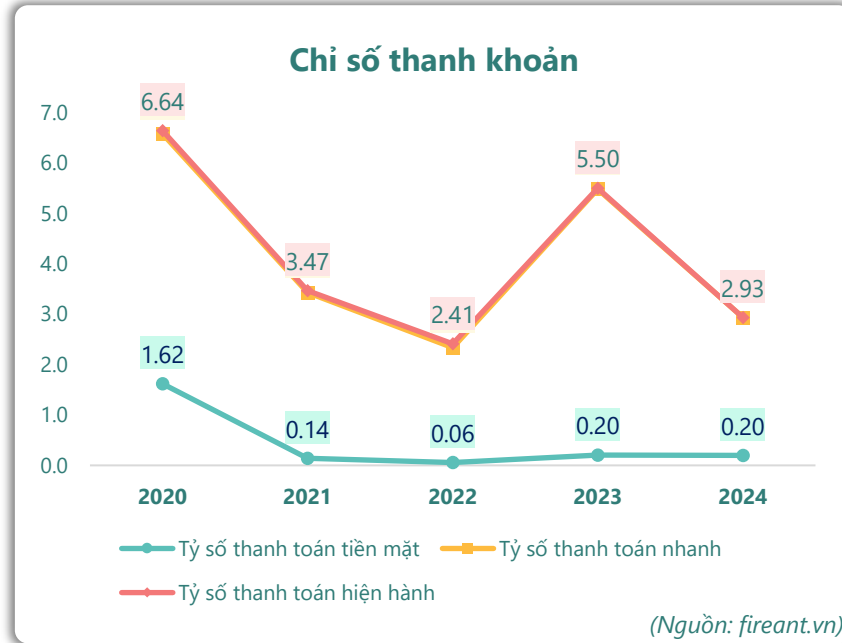
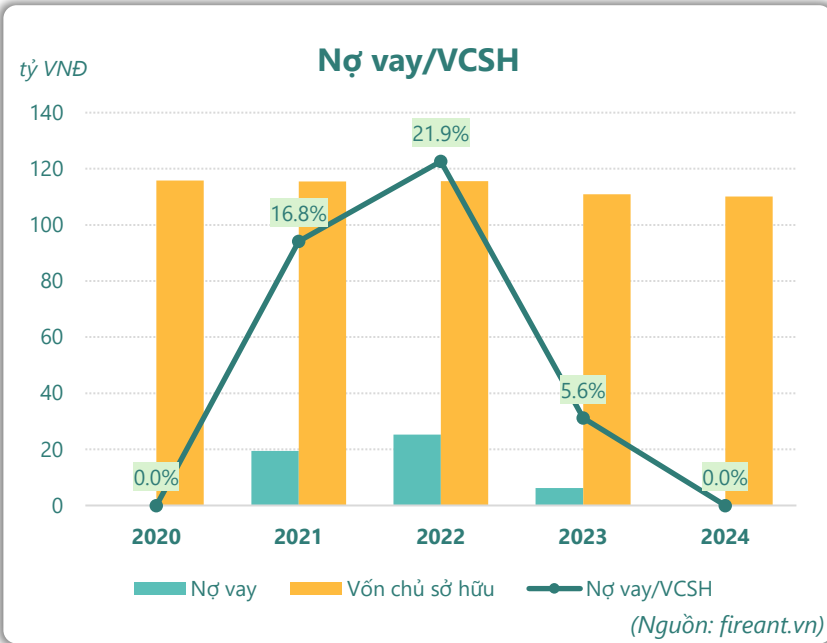
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	77.9	73.5	6.0%	119	96.2	23.7%
Giá vốn hàng bán	73.5	65.3	12.6%	111	86.0	29.4%
Lợi nhuận gộp	4.37	8.20	-46.7%	7.79	10.3	-24.0%
Doanh thu HĐTC	0.14	0.09	59.1%	0.15	0.13	12.8%
Chi phí TC	0.07	0.09	-26.3%	0.07	0.18	-62.4%
Chi phí lãi vay	0.04	0.01	286%	0.04	0.03	37.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.80	5.67	-68.3%	3.27	6.95	-52.9%
Chi phí QLDN	2.57	3.64	-29.4%	4.44	5.23	-15.1%
LN thuần từ HĐKD	0.08	-1.10	107%	0.15	-1.98	108%
Lợi nhuận khác	0.06	-0.01	656%	0.07	-0.02	395%
LN trước thuế	0.13	-1.11	112%	0.21	-2.00	111%
Lợi nhuận sau thuế	0.13	-1.12	112%	0.21	-2.01	111%
LNST của CĐ cty mẹ	0.13	-1.12	112%	0.21	-2.01	111%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.91	5.21	-4.16	7.27	-9.04	-3.76
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	-6.44	6.50	0.00	0.00	-0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.17	0	2.00	-2.00	0	5.00
Tiền đầu kỳ	5.02	2.84	1.62	5.94	11.2	2.19
Lưu chuyển tiền thuần	-2.18	-1.24	4.34	5.27	-9.04	0.58
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	-0.02	0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	2.84	1.62	5.94	11.2	2.19	2.77

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	156	167	-6.5%
Tài sản ngắn hạn	156	167	-6.5%
Tiền và tương đương tiền	2.77	11.2	-75.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	0	
Phải thu ngắn hạn	151	155	-2.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.00	0.64	55.6%
Tài sản dài hạn	0.28	0.31	-11.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.22	0.30	-26.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.06	0.01	375%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.7	56.8	-19.6%
Nợ ngắn hạn	45.7	56.8	-19.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.00	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	39.9	54.3	-26.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	110	110	0.2%
Vốn chủ sở hữu	110	110	0.2%
Vốn điều lệ	70.0	70.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

